ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Nghị quyết số: 974/2020/UBTVQH14	*Hà Nội, ngày 13 tháng 7 năm 2020*

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 343/2017/UBTVQH14 ngày 19 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm quốc gia, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm quốc gia, dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương và phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước hằng năm

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13;

Căn cứ Luật Kiểm toán nhà nước số 81/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật Kiểm toán nhà nước số 55/2019/QH14;

Căn cứ Luật Kế toán số 88/2015/QH13;

Căn cứ Luật Quản lý nợ công số 20/2017/QH14;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14;

Sau khi xem xét Tờ trình số 175/TTr-CP ngày 28 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ, Báo cáo thẩm tra số 1977/BC-UBTCNS14 ngày 15 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban Tài chính, Ngân sách của Quốc hội.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 343/2017/UBTVQH14 ngày 19 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm quốc gia, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm quốc gia, dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương và phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước hằng năm (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 343/2017/UBTVQH14).

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:

"Điều 5. Lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm quốc gia vốn ngân sách nhà nước

1. Căn cứ lập kế hoạch theo quy định tại khoản 1 Điều 47 của Luật Đầu tư công.

2. Nội dung của kế hoạch theo quy định tại Điều 49 của Luật Đầu tư công.

(Kèm theo 04 mẫu biểu, từ mẫu biểu số 05 đến số 08 ban hành kèm theo Nghị quyết này).

3. Trước ngày 20 tháng 9 của năm thứ năm nhiệm kỳ Quốc hội, Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến về kế hoạch giai đoạn sau để hoàn thiện, trình Quốc hội cho ý kiến tại kỳ họp cuối năm đó.

4. Trên cơ sở ý kiến của Quốc hội khóa trước, Chính phủ hoàn thiện kế hoạch và gửi tới Đại biểu Quốc hội khóa mới chậm nhất 20 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa mới".

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 11 như sau:

"1. Chính phủ xây dựng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước (bao gồm chi đầu tư phát triển vốn ngân sách nhà nước và chi thường xuyên) đối với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương; trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội trước ngày 30 tháng 6 năm thứ tư của kế hoạch đầu tư công trung hạn và kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia giai đoạn trước".

3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của khoản 1 Điều 19 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a và điểm b như sau:

"a) Kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia giai đoạn sau (tại kỳ họp cuối năm của năm thứ năm nhiệm kỳ Quốc hội), cùng với các mẫu biểu từ số 01 đến số 04 ban hành kèm theo Nghị quyết số 343/2017/UBTVQH14; dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về kế hoạch này, cùng với nội dung theo mẫu biểu số 03, số 04 ban hành kèm theo Nghị quyết số 343/2017/UBTVQH14;

b) Kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm quốc gia vốn ngân sách nhà nước giai đoạn sau (tại kỳ họp cuối năm của năm thứ năm nhiệm kỳ Quốc hội và kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa mới), cùng với các mẫu biểu từ số 05 đến số 08 ban hành kèm theo Nghị quyết này; dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về kế hoạch này, cùng với nội dung theo mẫu biểu số 05, số 06 và các dự án quan trọng quốc gia, chương trình mục tiêu quốc gia theo mẫu biểu số 07, số 08 ban hành kèm theo Nghị quyết này";

b) Sửa đổi, bổ sung điểm đ như sau:

"đ) Báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước, cùng với các mẫu biểu từ số 58 đến số 69 và các mẫu biểu số 71, 74, 75 ban hành kèm theo Nghị quyết số 343/2017/UBTVQH14 và Nghị quyết này; dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về quyết toán ngân sách nhà nước, cùng với nội dung theo các mẫu biểu từ số 58, 59, từ số 61 đến số 67, số 69, 71, 74 ban hành kèm theo Nghị quyết số 343/2017/UBTVQH14 và Nghị quyết này".

4. Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 20 như sau:

"b) Kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm quốc gia vốn ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 67 của Luật Đầu tư công".

5. Sửa đổi, bổ sung nội dung và áp dụng đơn vị tiền tệ rút gọn là tỷ đồng đối với 51 mẫu biểu trong phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 343/2017/UBTVQH14.

(Chi tiết các mẫu biểu sửa đổi, đổi sung tại phụ lục I và các mẫu biểu hợp nhất tại phụ lục II kèm theo Nghị quyết này).

6. Bổ sung cụm từ *"vốn ngân sách nhà nước"* vào sau cụm từ "*kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm quốc gia*" tại các điểm, khoản, điều có liên quan trong Nghị quyết số 343/2017/UBTVQH14.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ năm ngân sách 2021.

2. Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban Tài chính, Ngân sách của Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban khác của Quốc hội, Kiểm toán Nhà nước chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp

Việc lập, thẩm tra, phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước năm 2019 và năm 2020 thực hiện theo quy định của Nghị quyết số 343/2017/UBTVQH14 và tình hình thực tế hàng năm, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quốc hội xem xét, quyết định; riêng báo cáo quyết toán chi đầu tư phát triển vốn ngân sách nhà nước không phải chi tiết theo ngành, lĩnh vực.

TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Kim Ngân

PHỤ LỤC I

DANH MỤC CÁC MẪU BIỂU SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết 974/2020/UBTVQH14 ngày13/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội)

Phần thứ nhất	**Kế hoạch tài chính 5 năm quốc gia**
Mẫu biểu số 01:	Đánh giá tình hình thực hiện một số chỉ tiêu tài chính - ngân sách nhà nước chủ yếu giai đoạn...
Mẫu biểu số 03:	Dự kiến cân đối NSNN giai đoạn...
Mẫu biểu số 04:	Dự kiến tổng mức dư nợ và nghĩa vụ trả nợ giai đoạn...
Phần thứ hai	**Kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm quốc gia vốn NSNN**
Mẫu biểu số 05:	Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSNN giai đoạn từ năm N(1) đến năm (N+4)
Mẫu biểu số 06:	Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn từ năm N(1) đến năm (N+4)
Mẫu biểu số 07:	Chi tiết dự kiến kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn từ năm N(1) đến năm (N+4) vốn NSTW trong nước/vốn cân đối NSĐP
Mẫu biểu số 08:	Chi tiết dự kiến kế hoạch đầu tư trung hạn vốn nước ngoài (vốn vay ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài đưa vào cân đối NSTW) giai đoạn từ năm (N) đến năm (N+4)
Phần thứ ba	**Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm quốc gia**
Mẫu biểu số 09:	Dự kiến cân đối NSNN giai đoạn 03 năm...
Mẫu biểu số 10:	Dự kiến thu NSNN theo lĩnh vực giai đoạn 03 năm...
Mẫu biểu số 11:	Dự kiến cân đối nguồn thu, chi NSTW và NSĐP giai đoạn 03 năm...
Mẫu biểu số 12:	Dự kiến chi NSTW theo cơ cấu chi giai đoạn 03 năm...
Mẫu biểu số 13:	Dự kiến kế hoạch đầu tư vốn NSTW giai đoạn 03 năm...

Mẫu biểu số 14:	Dự kiến dư nợ công, nợ nước ngoài của quốc gia giai đoạn 03 năm...
Phần thứ tư	**Dự toán ngân sách nhà nước**
1.	Tình hình thực hiện ngân sách nhà nước năm hiện hành
Mẫu biểu số 15:	Đánh giá cân đối NSNN năm...
Mẫu biểu số 16:	Đánh giá thực hiện thu NSNN theo lĩnh vực năm...
Mẫu biểu số 17:	Đánh giá thu NSNN theo sắc thuế năm...
Mẫu biểu số 18:	Đánh giá chi NSNN theo cơ cấu chi năm...
2.	Dự toán ngân sách nhà nước năm sau
Mẫu biểu số 19:	Cân đối NSNN năm...
Mẫu biểu số 20:	Dự toán thu NSNN theo lĩnh vực năm...
Mẫu biểu số 21:	Dự toán thu NSNN theo sắc thuế năm...
Mẫu biểu số 22:	Dự toán chi NSNN theo cơ cấu chi năm...
Mẫu biểu số 23:	Dư nợ công, nợ nước ngoài của quốc gia năm...
Phần thứ năm	**Phân bổ ngân sách trung ương**
1.	Tình hình thực hiện ngân sách trung ương năm hiện hành
Mẫu biểu số 24:	Đánh giá cân đối nguồn thu, chi NSTW và NSĐP năm...
Mẫu biểu số 25:	Đánh giá thực hiện chi NSNN, chi NSTW và chi NSĐP theo cơ cấu chi năm...
Mẫu biểu số 26:	Đánh giá thực hiện chi NSTW theo lĩnh vực năm...
Mẫu biểu số 28:	Đánh giá thực hiện chi ĐTPT của NSTW cho từng bộ, cơ quan trung ương theo từng lĩnh vực năm...
Mẫu biểu số 34:	Đánh giá thực hiện thu dịch vụ của đơn vị sự nghiệp công năm...(không bao gồm nguồn NSNN)
2.	Phân bổ dự toán ngân sách trung ương năm sau

Mẫu biểu số 35:	Cân đối nguồn thu, chi dự toán NSTW và NSĐP năm...
Mẫu biểu số 38:	Dự toán chi NSNN, chi NSTW và chi NSĐP theo cơ cấu chi năm...
Mẫu biểu số 39:	Dự toán chi NSTW theo lĩnh vực năm...
Mẫu biểu số 41:	Dự toán chi ĐTPT của NSTW cho từng Bộ, cơ quan Trung ương năm...
Mẫu biểu số 50:	Dự toán bổ sung có mục tiêu vốn đầu tư từ NSTW cho NSĐP năm...
Mẫu biểu số 55:	Danh mục các chương trình, dự án quan trọng quốc gia sử dụng vốn NSNN (do Quốc hội quyết định) năm...
Mẫu biểu số 56:	Kế hoạch thu dịch vụ của đơn vị sự nghiệp công năm... (không bao gồm nguồn NSNN)
Phần thứ sáu	**Quyết toán ngân sách nhà nước**
Mẫu biểu số 58:	Quyết toán cân đối NSNN năm...
Mẫu biểu số 59:	Quyết toán nguồn thu NSNN theo lĩnh vực năm...
Mẫu biểu số 60:	Quyết toán thu NSNN theo sắc thuế năm...
Mẫu biểu số 61:	Quyết toán cân đối nguồn thu chi NSTW và NSĐP năm...
Mẫu biểu số 62:	Quyết toán bội thu, vay bù đắp bội chi và vay trả nợ gốc của NSĐP năm...
Mẫu biểu số 63:	Quyết toán chi NSTW theo lĩnh vực năm...
Mẫu biểu số 64:	Quyết toán chi NSNN, chi NSTW và chi NSĐP theo cơ cấu chi năm...
Mẫu biểu số 65:	Quyết toán chi NSTW cho từng bộ, cơ quan trung ương theo từng lĩnh vực và các nhiệm vụ chi khác của NSTW năm...
Mẫu biểu số 66:	Quyết toán chi đầu tư phát triển của ngân sách trung ương cho từng Bộ, cơ quan Trung ương theo từng lĩnh vực năm...

Mẫu biểu số 67:	Quyết toán chi thường xuyên của NSTW cho từng Bộ, cơ quan Trung ương theo từng lĩnh vực năm...
Mẫu biểu số 68:	Tổng hợp quyết toán chi thường xuyên của các bộ, cơ quan trung ương năm...
Mẫu biểu số 69:	Quyết toán chi bổ sung từ NSTW cho NSĐP đối với từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm...
Mẫu biểu số 71:	Quyết toán chi NSĐP từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm...
Mẫu biểu số 73:	Thực hiện vốn đầu tư các dự án quan trọng quốc gia sử dụng vốn NSNN (do Quốc hội quyết định) năm...
Mẫu biểu số 74:	Quyết toán chi chương trình mục tiêu quốc gia của từng Bộ, cơ quan Trung ương và từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm...
Mẫu biểu số 75:	Tổng hợp thu dịch vụ của đơn vị sự nghiệp công năm... (không bao gồm nguồn NSNN)
Mẫu biểu số 76:	Quyết toán chi NSNN theo nội dung kinh tế năm...

MẪU BIỂU SỐ 01

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH - NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CHỦ YẾU GIAI ĐOẠN…

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	MỤC TIÊU GIAI ĐOẠN …	NĂM …	NĂM …	NĂM …	NĂM …	NĂM …	THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN …
A	B	1	2	3	4	5	6	7
I	**GDP (theo giá hiện hành)**							
II	**Tổng thu NSNN**							
	Tốc độ tăng thu NSNN (%)							
	Tỷ lệ thu NSNN so với GDP (%)							
	Tỷ lệ thu từ thuế, phí so với GDP (%)							
1	Thu nội địa							
	Tốc độ tăng thu (%)							
	Tỷ trọng trong tổng thu NSNN (%)							
2	Thu từ dầu thô							
	Tốc độ tăng thu (%)							
	Tỷ trọng trong tổng thu NSNN (%)							
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu							
	Tốc độ tăng thu (%)							
	Tỷ trọng trong tổng thu NSNN (%)							
4	Thu viện trợ							
	Tốc độ tăng thu (%)							
	Tỷ trọng trong tổng thu NSNN (%)							
III	**Tổng chi NSNN**							
	Tốc độ tăng chi (%)							
	Tỷ lệ chi NSNN so với GDP (%)							

STT	NỘI DUNG	MỤC TIÊU GIAI ĐOẠN …	NĂM …	NĂM …	NĂM …	NĂM …	NĂM …	THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN …
A	B	1	2	3	4	5	6	7
	Trong đó:							
1	Chi đầu tư phát triển							
	Tốc độ tăng chi (%)							
	Tỷ trọng trong tổng chi NSNN (%)							
2	Chi dự trữ quốc gia							
	Tốc độ tăng chi (%)							
	Tỷ trọng trong tổng chi NSNN (%)							
3	Chi trả nợ lãi, viện trợ							
	Tốc độ tăng chi (%)							
	Tỷ trọng trong tổng chi NSNN (%)							
4	Chi thường xuyên							
	Tốc độ tăng chi (%)							
	Tỷ trọng trong tổng chi NSNN (%)							
IV	**Bội chi/Bội thu NSNN**							
	Tỷ lệ bội chi NSNN so GDP (%)							
V	**Nợ công**							
	Dư nợ							
	Tỷ lệ so với GDP (%)							
	Trong đó:							
1	Nợ Chính phủ							
	Dư nợ							
	Tỷ lệ so với GDP (%)							
2	Nợ Chính phủ bảo lãnh							
	Dư nợ							
	Tỷ lệ so với GDP (%)							

STT	NỘI DUNG	MỤC TIÊU GIAI ĐOẠN …	NĂM …	NĂM …	NĂM …	NĂM …	NĂM …	THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN …
A	B	1	2	3	4	5	6	7
3	Nợ Chính quyền địa phương							
	Dư nợ							
	Tỷ lệ so với GDP (%)							
VI	**Nợ nước ngoài của quốc gia**							
	Dư nợ							
	Tỷ lệ so với GDP (%)							
VII	**Chi trả nợ trực tiếp của Chính phủ**							
	Tỷ lệ so với thu NSNN (%)							
1	Trả nợ gốc							
	Từ nguồn vốn vay							
	Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư							
2	Trả nợ lãi (từ NSNN)							

MẪU BIỂU SỐ 03

DỰ KIẾN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN…

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	KẾ HOẠCH
I	**Tổng thu NSNN (1+2+3+4)**	
	Tốc độ tăng thu NSNN bình quân hàng năm (%)	
	Tỷ lệ thu NSNN so với GDP (%)	
	Tỷ lệ thu từ thuế, phí so với GDP (%)	
1	**Thu nội địa**	
	Tốc độ tăng thu bình quân hàng năm (%)	
	Tỷ trọng trong tổng thu NSNN bình quân cả giai đoạn (%)	
2	**Thu từ dầu thô**	
	Tốc độ tăng thu bình quân hàng năm (%)	
	Tỷ trọng trong tổng thu NSNN bình quân cả giai đoạn (%)	
3	**Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu**	
	Tốc độ tăng thu bình quân hàng năm (%)	
	Tỷ trọng trong tổng thu NSNN bình quân cả giai đoạn (%)	
4	**Thu viện trợ**	
	Tốc độ tăng thu bình quân hàng năm (%)	
	Tỷ trọng trong tổng thu NSNN bình quân cả giai đoạn (%)	
II	**Tổng chi NSNN (1+2+3+4)**	
	Tốc độ tăng chi bình quân hàng năm (%)	
	Tỷ lệ chi NSNN so với GDP (%)	
	Trong đó:	
1	**Chi đầu tư phát triển**	
	Tốc độ tăng chi bình quân hàng năm (%)	
	Tỷ trọng trong tổng chi NSNN bình quân cả giai đoạn (%)	

STT	NỘI DUNG	KẾ HOẠCH
2	**Chi dự trữ quốc gia**	
	Tốc độ tăng chi bình quân hàng năm (%)	
	Tỷ trọng trong tổng chi NSNN bình quân cả giai đoạn (%)	
3	**Chi trả nợ lãi**	
	Tốc độ tăng chi bình quân hàng năm (%)	
	Tỷ trọng trong tổng chi NSNN bình quân cả giai đoạn (%)	
4	**Chi thường xuyên**	
	Tốc độ tăng chi bình quân hàng năm (%)	
	Tỷ trọng trong tổng chi NSNN bình quân cả giai đoạn (%)	
III	**Bội chi/Bội thu NSNN**	
	Bội chi NSNN so GDP (%)	
IV	**Chi trả nợ gốc (1+2)**	
	Trong đó: - Chi trả nợ gốc từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư *- Tỷ lệ so với tổng nghĩa vụ chi trả nợ gốc (%)*	
1	Chi trả nợ gốc NSTW	
	- Từ nguồn vay để trả nợ gốc	
	- Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư	
2	Chi trả nợ gốc NSĐP	
	- Từ nguồn vay để trả nợ gốc	
	- Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư	
V	**Tổng mức vay của NSNN (1+2)**	
1	Vay để bù đắp bội chi	
2	Vay để trả nợ gốc	

MẪU BIỂU SỐ 04

DỰ KIẾN TỔNG MỨC DƯ NỢ VÀ NGHĨA VỤ TRẢ NỢ GIAI ĐOẠN…

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	NĂM CUỐI KỲ KẾ HOẠCH
I	**Nợ công**	
	Dư nợ	
	Tỷ lệ so với GDP (%)	
	Trong đó:	
1	Nợ Chính phủ	
	Dư nợ	
	Tỷ lệ so với GDP (%)	
2	Nợ Chính phủ bảo lãnh	
	Dư nợ	
	Tỷ lệ so với GDP (%)	
3	Nợ Chính quyền địa phương	
	Dư nợ	
	Tỷ lệ so với GDP (%)	
II	**Nợ nước ngoài của quốc gia**	
	Dư nợ	
	Tỷ lệ so với GDP (%)	
III	**Nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Chính phủ**	
	Tỷ lệ so với thu NSNN (%)	
1	Trả nợ gốc	
	- Từ nguồn vốn vay	
	- Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư	
2	Trả nợ lãi (từ NSNN)	

MẪU BIỂU SỐ 05

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN TỪ NĂM N[(1)] ĐẾN NĂM (N+4)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	NHU CẦU KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NSNN GIAI ĐOẠN TỪ NĂM N ĐẾN NĂM (N+4)				DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NSNN GIAI ĐOẠN TỪ NĂM N ĐẾN NĂM (N+4)			
		TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ			TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ		
			VỐN ĐẦU TƯ THEO NGÀNH, LĨNH VỰC	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA	DỰ PHÒNG CHUNG		VỐN ĐẦU TƯ THEO NGÀNH, LĨNH VỰC	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA	DỰ PHÒNG CHUNG
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
	TỔNG SỐ								
	Trong đó:								
	- Vốn trong nước								
	- Vốn nước ngoài								
A	**NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG**								
	Trong đó:								
	- Vốn trong nước								
	- Vốn nước ngoài								
B	**NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**								
	Trong đó:								
	- Vốn trong nước								
	- Vốn nước ngoài								
I	**Vùng.....**								
1	Địa phương …								
…	……...								

Ghi chú:

(1) N là năm bắt đầu của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn tiếp theo.

MẪU BIỂU SỐ 06

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN TỪ NĂM N(1) ĐẾN NĂM (N+4)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG	TỔNG SỐ	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG											
			VỐN TRONG NƯỚC						VỐN NGOÀI NƯỚC					
			TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ					TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ				
				ĐẦU TƯ THEO NGÀNH, LĨNH VỰC				CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA		ĐẦU TƯ THEO NGÀNH, LĨNH VỰC				CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
				TỔNG SỐ	NGÀNH, LĨNH VỰC…	NGÀNH, LĨNH VỰC…	….			TỔNG SỐ	NGÀNH, LĨNH VỰC…	NGÀNH, LĨNH VỰC…	….	
	B	1=2+8	2=3+7	3=4+5+6	4	5	6	7	8=9+13	9=10+11+12	10	11	12	13
	TỔNG SỐ													
I	**BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG**													
1	Bộ, cơ quan trung ương …													
…	…													
II	**BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO NGÂN SÁCH TỪNG ĐỊA PHƯƠNG**													
	Vùng …													
1	Địa phương …													
…	…													

Ghi chú:

(1) N là năm bắt đầu của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn tiếp theo.

MẪU BIỂU SỐ 07

CHI TIẾT DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN TỪ NĂM N[(1)] ĐẾN NĂM (N+4) VỐN…[(2)]

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm (N-1)		Giai đoạn từ năm N đến năm (N+4)								Ghi chú
								Nhu cầu đầu tư 5 năm giai đoạn từ năm N đến năm (N+4)				Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm N đến năm (N+4)				
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn …	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn…			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn…			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn...				Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
										Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB[(3)]			Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB[(3)]	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	TỔNG SỐ															
	BỘ, NGÀNH/ĐỊA PHƯƠNG															
A	**NGÀNH, LĨNH VỰC**															
I	**Ngành, lĩnh vực….**															
1	**Dự án quan trọng quốc gia**															
1.1	**Chuẩn bị đầu tư**															
(1)	Dự án...															
…	……..															
1.2	**Thực hiện dự án**															
(1)	Dự án...															
…	……..															
2	**Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C**															
2.1	**Chuẩn bị đầu tư**															
(1)	Dự án...															
…	……..															
2.2	**Thực hiện dự án**															
2.2.1	**Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn từ năm (N-5) đến năm (N-1) sang giai đoạn từ năm N đến năm (N+4)**															

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm (N-1)		Giai đoạn từ năm N đến năm (N+4)								Ghi chú
								Nhu cầu đầu tư 5 năm giai đoạn từ năm N đến năm (N+4)				Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm N đến năm (N+4)				
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn …	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn…			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn…			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn...				Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
										Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB[3]			Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB[3]	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
a)	***Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng đến ngày 31 tháng 12 năm (N-1)***															
(1)	Dự án...															
…	……..															
b)	***Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn từ năm N đến năm (N+4)***															
	- Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn từ năm N đến năm (N+4)															
(1)	Dự án...															
…	……..															
	- Dự án dự kiến hoàn thành sau năm (N+4)															
(1)	Dự án...															
…	……..															
2.2.2	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn từ năm N đến năm (N+4)**															
a)	***- Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn từ năm N đến năm (N+4)***															
(1)	Dự án...															
…	……..															
b)	***- Dự án dự kiến hoàn thành sau năm (N+4)***															

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm (N-1)		Giai đoạn từ năm N đến năm (N+4)								Ghi chú
								Nhu cầu đầu tư 5 năm giai đoạn từ năm N đến năm (N+4)				Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm N đến năm (N+4)				
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn …	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn…			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn…			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn...				Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
										Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB[3]			Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB[3]	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
(1)	Dự án...															
…	……..															
II	**Ngành, lĩnh vực….**															
	Phân loại như mục I															
B	**CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA**															
I	Chương trình mục tiêu quốc gia …															
…	……..															
	BỘ, NGÀNH/ĐỊA PHƯƠNG															
	Phân loại như trên															
…	……..															

Ghi chú:

(1) N là năm bắt đầu của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn tiếp theo;

(2) Đề nghị báo cáo vốn ngân sách trung ương trong nước và vốn cân đối ngân sách địa phương, mỗi nguồn vốn tách ra báo cáo thành một biểu riêng;

(3) Chỉ được bố trí vốn đầu tư công để thanh toán nợ đọng XDCB phát sinh trước ngày 31 tháng 12 năm 2014.

MẪU BIỂU SỐ 08

CHI TIẾT DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NƯỚC NGOÀI (VỐN VAY ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI ĐƯA VÀO CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG) GIAI ĐOẠN TỪ NĂM N(1) ĐẾN NĂM (N+4)

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký kết Hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	Quyết định đầu tư							Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm (N-1)						Lũy kế vốn giải ngân từ khởi công đến hết năm (N-1)						Nhu cầu đầu tư trung hạn giai đoạn từ năm N đến năm (N+4)						Dự kiến kế hoạch trung hạn giai đoạn từ năm N đến năm (N+4)						Ghi chú
						Số quyết định	TMĐT						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)(1)	Trong đó					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)(1)	Trong đó					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)(2)	Trong đó:						Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài theo Hiệp định)(2)				Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)(2)					Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)			Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)		
								Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)(2)							Quy đổi ra tiền Việt					Quy đổi ra tiền Việt							Trong đó				Trong đó		
								Tổng số (3)	Trong đó: vốn …	Tính bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt					Tổng số (1)	Trong đó: vốn…	Tính bằng nguyên tệ	Tổng số	Trong đó: đưa vào cân đối NSTW				Tổng số	Trong đó: vốn …	Tính bằng nguyên tệ	Tổng số	Trong đó: đưa vào cân đối NSTW				Tổng số	Trong đó: vốn …		Tổng số	Trong đó		
											Tổng số	Trong đó:																Tổng số	Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại				Tổng số	Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại	
												Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại																								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39
	TỔNG SỐ																																					
	BỘ, NGÀNH/ ĐỊA PHƯƠNG																																					
A	**VỐN NƯỚC NGOÀI KHÔNG GIẢI NGÂN THEO CƠ CHẾ TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC**																																					
I	**NGÀNH, LĨNH VỰC**																																					
1	**Ngành, lĩnh vực….**																																					
1.1	Dự án quan trọng quốc gia																																					
1.1.1	Chuẩn bị đầu tư																																					
(1)	Dự án...																																					
…	……..																																					
1.1.2	Thực hiện dự án																																					
(1)	Dự án...																																					
…	……..																																					
1.2	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C																																					
1.2.1	Chuẩn bị đầu tư																																					
(1)	Dự án...																																					
…	……..																																					
1.2.2	Thực hiện dự án																																					
1.2.2.1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn từ năm (N-5) đến năm (N-1) sang giai đoạn từ năm N đến năm (N+4)																																					

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký kết Hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	Quyết định đầu tư								Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm (N-1)						Lũy kế vốn giải ngân từ khởi công đến hết năm (N-1)						Nhu cầu đầu tư trung hạn giai đoạn từ năm N đến năm (N+4)						Dự kiến kế hoạch trung hạn giai đoạn từ năm N đến năm (N+4)						Ghi chú
						Số quyết định	TMĐT							Tổng số (tất cả các nguồn vốn) [1]	Trong đó					Tổng số (tất cả các nguồn vốn) [1]	Trong đó					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn) [2]	Trong đó:							Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài theo Hiệp định) [2]				Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định) [2]					Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)				Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)			
								Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định) [2]							Quy đổi ra tiền Việt					Quy đổi ra tiền Việt							Trong đó					Trong đó		
								Tổng số [2]	Trong đó: vốn …	Tính bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt						Tổng số	Trong đó: đưa vào cân đối NSTW				Tổng số	Trong đó: đưa vào cân đối NSTW						Tổng số	Trong đó: vốn …				Tổng số	Trong đó: vốn …			
											Tổng số	Trong đó:																										
												Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại																										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39
a)	*Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng đến ngày 31 tháng 12 năm (N-1)*																																				
(1)	Dự án...																																				
…	……..																																				
b)	*Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn từ năm N đến năm (N+4)*																																				
	- Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn từ năm N đến năm (N+4)																																				
(1)	Dự án...																																				
…	……..																																				
	- Dự án dự kiến hoàn thành sau năm (N+4)																																				
(1)	Dự án...																																				
…	……..																																				
1.2.2.2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn từ năm N đến năm (N+4)																																				
a)	*- Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn từ năm N đến năm (N+4)*																																				
(1)	Dự án...																																				
…	……..																																				
b)	*- Dự án dự kiến hoàn thành sau năm (N+4)*																																				
(1)	Dự án...																																				
…	……..																																				
2	**Ngành, lĩnh vực….**																																				

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký kết Hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	Quyết định đầu tư							Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm (N-1)						Lũy kế vốn giải ngân từ khởi công đến hết năm (N-1)						Nhu cầu đầu tư trung hạn giai đoạn từ năm N đến năm (N+4)						Dự kiến kế hoạch trung hạn giai đoạn từ năm N đến năm (N+4)						Ghi chú
						Số quyết định	TMĐT						Tổng số (tất cả các nguồn vốn) [1]	Trong đó					Tổng số (tất cả các nguồn vốn) [1]	Trong đó					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn) [2]	Trong đó:						Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài theo Hiệp định)[2]				Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)[2]				Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)			Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)			
								Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)[2]						Tính bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt					Quy đổi ra tiền Việt														
								Tổng số [2]	Trong đó: vốn …	Tính bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt						Tổng số	Trong đó: đưa vào cân đối NSTW				Tổng số	Trong đó: đưa vào cân đối NSTW					Tổng số	Trong đó: vốn …	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó: vốn …	Tổng số	Trong đó		
											Tổng số	Trong đó:								Tổng số [1]	Trong đó: vốn …	Tính bằng nguyên tệ	Tổng số	Trong đó: đưa vào cân đối NSTW		Tổng số	Trong đó	Vay lại				Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại			
												Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại																								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39
	Phân loại như mục 1 nêu trên																																					
II	**CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA**																																					
1	**Chương trình mục tiêu quốc gia …**																																					
…	……..																																					
B	**VỐN NƯỚC NGOÀI GIẢI NGÂN THEO CƠ CHẾ TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC**																																					
…	**Phân loại như phần A**																																					
	BỘ, NGÀNH/ ĐỊA PHƯƠNG																																					
	Phân loại như trên																																					

Ghi chú:

(1) N là năm bắt đầu của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn tiếp theo

(2) Số vốn nước ngoài (tính bằng ngoại tệ, ghi rõ kèm theo đơn vị ngoại tệ), quy đổi ra Việt Nam đồng theo quy định tại Hiệp định, trường hợp Hiệp định không quy đổi sang Việt Nam đồng quy đổi theo tỷ giá tại thời điểm ký kết Hiệp định.

Phần vốn bố trí kế hoạch, thực hiện và giải ngân hàng năm quy đổi theo Việt Nam đồng tính đến thời điểm thanh toán.

MẪU BIỂU SỐ 09

DỰ KIẾN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 03 NĂM…

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM N-1	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM N-1	SO SÁNH		DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM N *(1)*	DỰ KIẾN NGÂN SÁCH NĂM N+1	DỰ KIẾN NGÂN SÁCH NĂM N+2
				TUYỆT ĐỐI	TƯƠNG ĐỐI			
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1	5	6	7
A	**TỔNG THU NSNN**							
1	Thu nội địa							
2	Thu từ dầu thô							
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu							
4	Thu viện trợ							
B	**TỔNG CHI NSNN**							
1	Chi đầu tư phát triển							
2	Chi dự trữ quốc gia							
3	Chi trả nợ lãi							
4	Chi viện trợ							
5	Chi thường xuyên							
6	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính							
7	Dự phòng NSNN							
8	Chi cải cách tiền lương, tinh giản biên chế							
9	Các nhiệm vụ chi khác *(5)*							
C	**BỘI CHI NSNN/BỘI THU NSNN** *(2)*							
	(Tỷ lệ bội chi so GDP)		*(3)*					
1	Bội chi NSTW/Bội thu NSTW							
2	Bội chi NSĐP/Bội thu NSĐP *(4)*							
D	**CHI TRẢ NỢ GỐC**							
1	Chi trả nợ gốc NSTW							

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM N-1	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM N-1	SO SÁNH		DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM N *(1)*	DỰ KIẾN NGÂN SÁCH NĂM N+1	DỰ KIẾN NGÂN SÁCH NĂM N+2
				TUYỆT ĐỐI	TƯƠNG ĐỐI			
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1	5	6	7
	- Từ nguồn vay để trả nợ gốc							
	- Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư							
2	Chi trả nợ gốc NSĐP							
	- Từ nguồn vay để trả nợ gốc							
	- Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư							
Đ	**TỔNG MỨC VAY CỦA NSNN**							
1	Vay để bù đắp bội chi							
2	Vay để trả nợ gốc							

Ghi chú:

(1) Năm N là năm dự toán ngân sách; theo đó, các năm N-1, N+1 và N+2 là năm trước, năm sau và năm sau nữa của năm dự toán ngân sách;

(2) Bội chi NSNN bao gồm bội chi của NSTW và bội chi của NSĐP (nếu có);

(3) Tỷ lệ so với GDP ước thực hiện;

(4) Chênh lệch giữa số bội chi của các địa phương có bội chi NSĐP và số bội thu của các địa phương có bội thu NSĐP;

(5) Bao gồm các nhiệm vụ chi chưa được liệt kê ở trên.

MẪU BIỂU SỐ 10

DỰ KIẾN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC GIAI ĐOẠN 03 NĂM…

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG THU	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM N-1	DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM N (1)	SO SÁNH (%)	DỰ KIẾN NGÂN SÁCH NĂM N+1	DỰ KIẾN NGÂN SÁCH NĂM N+2
A	B	1	2	3=2/1	4	5
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC					
	Tỷ lệ thu NSNN so với GDP (%)					
	Tỷ lệ thu từ thuế, phí so với GDP (%)					
I	**Thu nội địa**					
	Tốc độ tăng thu (%)					
	Tỷ trọng trong tổng thu NSNN (%)					
	Trong đó:					
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước					
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài					
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh					
4	Thuế thu nhập cá nhân					
5	Thuế bảo vệ môi trường					
6	Các khoản phí, lệ phí					
7	Thu tiền sử dụng đất					
8	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết					
9	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu, chi của Ngân hàng Nhà nước					

STT	NỘI DUNG THU	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM N-1	DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM N (1)	SO SÁNH (%)	DỰ KIẾN NGÂN SÁCH NĂM N+1	DỰ KIẾN NGÂN SÁCH NĂM N+2
A	B	1	2	3=2/1	4	5
II	**Thu từ dầu thô**					
	Tốc độ tăng thu (%)					
	Tỷ trọng trong tổng thu NSNN (%)					
III	**Thu cân đối từ hoạt động xuất nhập khẩu**					
	Tốc độ tăng thu (%)					
	Tỷ trọng trong tổng thu NSNN (%)					
1	Tổng số thu từ hoạt động xuất nhập khẩu					
2	Hoàn thuế giá trị gia tăng					
IV	**Thu viện trợ**					

Ghi chú:

(1) Năm N là năm dự toán ngân sách; theo đó, các năm N-1, N+1 và N+2 là năm trước, năm sau và năm sau nữa của năm dự toán ngân sách.

MẪU BIỂU SỐ 11

DỰ KIẾN CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG VÀ NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 03 NĂM…

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM N-1	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM N-1	DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM N *(1)*	DỰ KIẾN NGÂN SÁCH NĂM N+1	DỰ KIẾN NGÂN SÁCH NĂM N+2
A	B	1	2	3	4	5
A	**NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG**					
I	**Thu NSTW hưởng theo phân cấp**					
1	Thu thuế, phí và các khoản thu khác					
2	Thu từ nguồn viện trợ					
II	**Tổng chi NSTW**					
1	Chi NSTW theo phân cấp (kể cả bổ sung có mục tiêu cho NSĐP)					
2	Chi bổ sung cân đối cho NSĐP					
III	**Bội chi NSTW/Bội thu NSTW**					
B	**NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**					
I	**Tổng thu NSĐP**					
1	Thu NSĐP hưởng theo phân cấp					

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM N-1	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM N-1	DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM N *(1)*	DỰ KIẾN NGÂN SÁCH NĂM N+1	DỰ KIẾN NGÂN SÁCH NĂM N+2
2	Thu bổ sung cân đối từ NSTW					
II	**Chi cân đối NSĐP theo phân cấp (không kể bổ sung có mục tiêu từ NSTW)**					
III	**Bội chi NSĐP/Bội thu NSĐP** *(2)*					

Ghi chú:

(1) Năm N là năm dự toán ngân sách; theo đó, các năm N-1, N+1 và N+2 là năm trước, năm sau và năm sau nữa của năm dự toán ngân sách;

(2) Chênh lệch giữa số bội chi của các địa phương có bội chi NSĐP và số bội thu của các địa phương có bội thu NSĐP.

MẪU BIỂU SỐ 12

DỰ KIẾN CHI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI GIAI ĐOẠN 03 NĂM…

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM N-1	DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM N (1)	SO SÁNH DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM N/DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM N-1 (%)	DỰ KIẾN CHI NGÂN SÁCH NĂM N+1	DỰ KIẾN CHI NGÂN SÁCH NĂM N+2
A	B	1	2	3=2/1	4	5
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG					
A	**BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**					
B	**CHI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THEO LĨNH VỰC**					
I	**Chi đầu tư phát triển**					
1	Chi đầu tư phát triển theo ngành, lĩnh vực					
2	Chi chương trình mục tiêu quốc gia					
II	**Chi dự trữ quốc gia**					
III	**Chi trả nợ lãi**					
IV	**Chi viện trợ**					
V	**Chi thường xuyên**					

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM N-1	DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM N (1)	SO SÁNH DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM N/DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM N-1 (%)	DỰ KIẾN CHI NGÂN SÁCH NĂM N+1	DỰ KIẾN CHI NGÂN SÁCH NĂM N+2
A	B	1	2	3=2/1	4	5
VI	**Chi cải cách tiền lương, tinh giản biên chế**					
VII	**Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính**					
VIII	**Dự phòng NSNN**					
IX	**Các nhiệm vụ chi khác**					

Ghi chú:

(1) Năm N là năm dự toán ngân sách; theo đó, các năm N-1, N+1 và N+2 là năm trước, năm sau và năm sau nữa của năm dự toán ngân sách.

MẪU BIỂU SỐ 13

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 03 NĂM…

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	KẾ HOẠCH NĂM N-1		KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN…		
		DỰ TOÁN NĂM N-1	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM N-1	DỰ TOÁN NĂM N (1)	DỰ KIẾN NĂM N+1	DỰ KIẾN NĂM N+2
A	B	1	2	3	4	5
	TỔNG SỐ					
	Trong đó:					
	- Vốn trong nước					
	- Vốn nước ngoài					
I	**CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC**					
	Trong đó:					
	- Vốn trong nước					
	- Vốn nước ngoài					
1	**CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG**					
	Trong đó:					
	- Vốn trong nước					
	- Vốn nước ngoài					
1.1	**Ngành, lĩnh vực…**					
1.2	**Ngành, lĩnh vực…**					
…	**…**					
2	**NSTW BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO NSĐP**					
	Trong đó:					
	- Vốn trong nước					
	- Vốn nước ngoài					

STT	NỘI DUNG	KẾ HOẠCH NĂM N-1		KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN…		
		DỰ TOÁN NĂM N-1	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM N-1	DỰ TOÁN NĂM N (1)	DỰ KIẾN NĂM N+1	DỰ KIẾN NĂM N+2
A	B	1	2	3	4	5
2.1	**Ngành, lĩnh vực…**					
2.2	**Ngành, lĩnh vực…**					
…	**…**					
II	**CHI ĐẦU TƯ CHO CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA**					
	Trong đó:					
	- Vốn trong nước					
	- Vốn nước ngoài					
1	Chương trình mục tiêu quốc gia …					
	Trong đó:					
	- Vốn trong nước					
	- Vốn nước ngoài					
2	Chương trình mục tiêu quốc gia …					
	Phân loại như trên					
…	…					

Ghi chú:

(1) Năm N là năm dự toán ngân sách; theo đó, các năm N-1, N+1 và N+2 là năm trước, năm sau và năm sau nữa của năm dự toán ngân sách

MẪU BIỂU SỐ 14

DỰ KIẾN DƯ NỢ CÔNG, NỢ NƯỚC NGOÀI CỦA QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 03 NĂM …

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM N-1	DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM N (1)	DỰ KIẾN NGÂN SÁCH NĂM N+1	DỰ KIẾN NGÂN SÁCH NĂM N+2
A	B	1	2	3	4
I	**Nợ công**				
	Dư nợ				
	Tỷ lệ so với GDP (%)				
	Trong đó:				
1	Nợ Chính phủ				
	Dư nợ				
	Tỷ lệ so với GDP (%)				
2	Nợ được Chính phủ bảo lãnh				
	Dư nợ				
	Tỷ lệ so với GDP (%)				
3	Nợ Chính quyền địa phương				
	Dư nợ				
	Tỷ lệ so với GDP (%)				
II	**Nợ nước ngoài của quốc gia**				
	Dư nợ				
	Tỷ lệ so với GDP (%)				
III	**Nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Chính phủ so với thu NSNN (%)**				

Ghi chú:

(1) Năm N là năm dự toán ngân sách; theo đó, các năm N-1, N+1 và N+2 là năm trước, năm sau và năm sau nữa của năm dự toán ngân sách

MẪU BIỂU SỐ 15

ĐÁNH GIÁ CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM…

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM …	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM…	SO SÁNH	
				TUYỆT ĐỐI	TƯƠNG ĐỐI
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
A	**TỔNG THU NSNN**				
1	Thu nội địa				
2	Thu từ dầu thô				
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu				
4	Thu viện trợ				
B	**TỔNG CHI NSNN**				
1	Chi đầu tư phát triển				
2	Chi dự trữ quốc gia				
3	Chi trả nợ lãi				
4	Chi viện trợ				
5	Chi thường xuyên				
6	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính				
7	Dự phòng NSNN				
8	Chi cải cách tiền lương, tinh giản biên chế				
9	Các nhiệm vụ chi khác				
C	**BỘI CHI NSNN/BỘI THU NSNN** *(1)*				
	(Tỷ lệ bội chi so GDP)		*(2)*		

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM …	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM…	SO SÁNH	
				TUYỆT ĐỐI	TƯƠNG ĐỐI
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
1	Bội chi NSTW/Bội thu NSTW				
2	Bội chi NSĐP/Bội thu NSĐP *(3)*				
Đ	**CHI TRẢ NỢ GỐC**				
1	Chi trả nợ gốc NSTW				
	- Từ nguồn vay để trả nợ gốc				
	- Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư				
2	Chi trả nợ gốc NSĐP				
	- Từ nguồn vay để trả nợ gốc				
	- Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư				
Đ	**TỔNG MỨC VAY CỦA NSNN**				
1	Vay để bù đắp bội chi				
2	Vay để trả nợ gốc				

Ghi chú:

(1) Bội chi NSNN bao gồm bội chi của NSTW và bội chi NSĐP (nếu có);

(2) Tỷ lệ so với GDP ước thực hiện;

(3) Chênh lệch giữa số bội chi của các địa phương có bội chi NSĐP và số bội thu của các địa phương có bội thu NSĐP.

MẪU BIỂU SỐ 16

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM...

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM ….	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM….	SO SÁNH	
				TUYỆT ĐỐI	TƯƠNG ĐỐI
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	TỔNG THU NSNN				
I	**Thu nội địa**				
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp Nhà nước				
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài				
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh				
4	Thuế thu nhập cá nhân				
5	Thuế bảo vệ môi trường				
6	Các loại phí, lệ phí				
	Trong đó: Lệ phí trước bạ				
7	Các khoản thu về nhà, đất				
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp				
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp				
	- Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước				
	- Thu tiền sử dụng đất				
	- Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước				
8	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết				
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản				
10	Thu khác ngân sách				
11	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác				

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM ….	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM….	SO SÁNH	
				TUYỆT ĐỐI	TƯƠNG ĐỐI
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
12	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu, chi của Ngân hàng Nhà nước				
II	**Thu từ dầu thô**				
III	**Thu cân đối từ hoạt động xuất nhập khẩu**				
1	Tổng số thu từ hoạt động xuất nhập khẩu				
	- Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu				
	- Thuế xuất khẩu				
	- Thuế nhập khẩu				
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu				
	- Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu				
	- Thu khác				
2	Hoàn thuế giá trị gia tăng				
IV	**Thu viện trợ**				

MẪU BIỂU SỐ 17

ĐÁNH GIÁ THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO SẮC THUẾ NĂM…

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM…..							ƯỚC THỰC HIỆN NĂM…..							SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN NĂM../DỰ TOÁN NĂM…. (%)						
		TỔNG SỐ	KHU VỰC DNNN (1)	KHU VỰC DN CÓ VỐN ĐTNN (2)	KHU VỰC KINH TẾ NGOÀI QUỐC DOANH	THU TỪ HOẠT ĐỘNG XỔ SỐ KIẾN THIẾT	THU TỪ DẦU THÔ	KHU VỰC KHÁC	TỔNG SỐ	KHU VỰC DNNN	KHU VỰC DN CÓ VỐN ĐTNN	KHU VỰC KINH TẾ NGOÀI QUỐC DOANH	THU TỪ HOẠT ĐỘNG XỔ SỐ KIẾN THIẾT	THU TỪ DẦU THÔ	KHU VỰC KHÁC	TỔNG SỐ	KHU VỰC DNNN	KHU VỰC DN CÓ VỐN ĐTNN	KHU VỰC KINH TẾ NGOÀI QUỐC DOANH	THU TỪ HOẠT ĐỘNG XỔ SỐ KIẾN THIẾT	THU TỪ DẦU THÔ	KHU VỰC KHÁC
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
	TỔNG THU NSNN																					
A	**Các khoản thu từ thuế, phí, lệ phí**																					
I	**Các khoản thu từ thuế**																					
1	Thuế giá trị gia tăng																					
	- Thuế GTGT thu từ hàng hóa sản xuất kinh doanh trong nước																					
	- Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu																					
2	Thuế TTĐB																					
	- Thuế TTĐB thu từ hàng hóa sản xuất trong nước																					
	- Thuế TTĐB thu từ hàng hóa nhập khẩu																					
	- Thuế TTĐB thu từ hàng hóa nhập khẩu do cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước																					
3	Thuế bảo vệ môi trường																					
	- Thuế BVMT thu từ hàng hóa sản xuất kinh doanh trong nước																					
	- Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu																					
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp																					
5	Thuế thu nhập cá nhân																					
6	Thuế tài nguyên																					

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM…..							ƯỚC THỰC HIỆN NĂM…..							SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN NĂM../DỰ TOÁN NĂM…. (%)						
		TỔNG SỐ	KHU VỰC DNNN (1)	KHU VỰC DN CÓ VỐN ĐTNN (2)	KHU VỰC KINH TẾ NGOÀI QUỐC DOANH	THU TỪ HOẠT ĐỘNG XỔ SỐ KIẾN THIẾT	THU TỪ DẦU THÔ	KHU VỰC KHÁC	TỔNG SỐ	KHU VỰC DNNN	KHU VỰC DN CÓ VỐN ĐTNN	KHU VỰC KINH TẾ NGOÀI QUỐC DOANH	THU TỪ HOẠT ĐỘNG XỔ SỐ KIẾN THIẾT	THU TỪ DẦU THÔ	KHU VỰC KHÁC	TỔNG SỐ	KHU VỰC DNNN	KHU VỰC DN CÓ VỐN ĐTNN	KHU VỰC KINH TẾ NGOÀI QUỐC DOANH	THU TỪ HOẠT ĐỘNG XỔ SỐ KIẾN THIẾT	THU TỪ DẦU THÔ	KHU VỰC KHÁC
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
7	Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu																					
8	Thuế sử dụng đất nông nghiệp																					
9	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp																					
II	**Các khoản thu từ phí, lệ phí**																					
10	Lệ phí trước bạ																					
11	Các loại phí, lệ phí khác																					
B	**Các khoản thu ngoài thuế, phí, lệ phí**																					
1	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu, chi của Ngân hàng Nhà nước																					
	- Thu hồi vốn của NSNN đầu tư tại các tổ chức kinh tế																					
	- Thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế																					
	- Chênh lệch thu, chi của NHNN																					
2	Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước																					
3	Thu tiền sử dụng đất																					
4	Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước																					
5	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản																					
6	Thu khác																					
C	**Thu viện trợ**																					

Ghi chú: *(1) Các khoản thu từ doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;*

(2) Các khoản thu từ doanh nghiệp có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên hoặc có đa số thành viên hợp danh là cá nhân nước ngoài đối với tổ chức kinh tế là công ty hợp danh.

MẪU BIỂU SỐ 18

ĐÁNH GIÁ CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO CƠ CẤU CHI NĂM…

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM…	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM…	SO SÁNH	
				TUYỆT ĐỐI	TƯƠNG ĐỐI
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	TỔNG CHI NSNN				
I	**Chi đầu tư phát triển**				
1	Chi đầu tư phát triển theo ngành, lĩnh vực				
2	Chi chương trình mục tiêu quốc gia				
II	**Chi dự trữ quốc gia**				
III	**Chi trả nợ lãi**				
IV	**Chi viện trợ**				
V	**Chi thường xuyên**				
	Trong đó:				
	- Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề				
	- Chi khoa học và công nghệ				
VI	**Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính**				
VII	**Dự phòng NSNN**				
VIII	**Chi cải cách tiền lương, tinh giản biên chế**				
IX	**Các nhiệm vụ chi khác**				

MẪU BIỂU SỐ 19 *(5)*

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM…

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM… (hiện hành)	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM… (hiện hành)	DỰ TOÁN NĂM …	SO SÁNH DỰ TOÁN NĂM…/ NĂM... *(1)*	
					TUYỆT ĐỐI	TƯƠNG ĐỐI
A	B	1	2	3	4	5
A	**TỔNG THU NSNN**					
1	Thu nội địa					
2	Thu từ dầu thô					
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu					
4	Thu viện trợ					
B	**TỔNG CHI NSNN**					
1	Chi đầu tư phát triển					
2	Chi dự trữ quốc gia					
3	Chi trả nợ lãi					
4	Chi viện trợ					
5	Chi thường xuyên					
6	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
7	Dự phòng NSNN					
8	Chi cải cách tiền lương, tinh giản biên chế					
9	Các nhiệm vụ chi khác					
C	**BỘI CHI NSNN/ BỘI THU NSNN** *(2)*					
	(Tỷ lệ bội chi so GDP)		*(3)*			
1	Bội chi NSTW/Bội thu NSTW					
2	Bội chi NSĐP/Bội thu NSĐP *(4)*					

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM… (hiện hành)	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM… (hiện hành)	DỰ TOÁN NĂM …	SO SÁNH DỰ TOÁN NĂM…/ NĂM... *(1)*	
					TUYỆT ĐỐI	TƯƠNG ĐỐI
A	B	1	2	3	4	5
D	**CHI TRẢ NỢ GỐC**					
1	Chi trả nợ gốc NSTW					
	- Từ nguồn vay để trả nợ gốc					
	- Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư					
2	Chi trả nợ gốc NSĐP					
	- Từ nguồn vay để trả nợ gốc					
	- Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư					
Đ	**TỔNG MỨC VAY CỦA NSNN**					
1	Vay để bù đắp bội chi					
2	Vay để trả nợ gốc					

Ghi chú:

(1) Đối với các chỉ tiêu thu, so sánh dự toán năm sau với ước thực hiện năm hiện hành. Đối với các chỉ tiêu chi NSNN, so sánh dự toán năm sau với dự toán năm hiện hành;

(2) Bội chi NSNN bao gồm bội chi NSTW và bội chi NSĐP (nếu có);

(3) Tỷ lệ so với GDP ước thực hiện;

(4) Chênh lệch giữa số bội chi của các địa phương có bội chi NSĐP và số bội thu của các địa phương có bội thu NSĐP;

(5) Khi trình Quốc hội dự thảo Nghị quyết về dự toán NSNN, mẫu biểu này chỉ giữ lại các cột A, B & 3.

MẪU BIỂU SỐ 20

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM…

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG THU	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM…	DỰ TOÁN NĂM... *(1)*	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3=2/1
	TỔNG THU NSNN			
I	**Thu nội địa**			
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước			
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài			
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh			
4	Thuế thu nhập cá nhân			
5	Thuế bảo vệ môi trường			
6	Các loại phí, lệ phí			
	Trong đó: Lệ phí trước bạ			
7	Các khoản thu về nhà, đất			
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp			
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			
	- Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước			
	- Thu tiền sử dụng đất			
	- Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước			
8	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết			
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản			
10	Thu khác ngân sách			
11	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác			
12	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận			

STT	NỘI DUNG THU	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM…	DỰ TOÁN NĂM... *(1)*	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3=2/1
	sau thuế, chênh lệch thu, chi của Ngân hàng Nhà nước			
II	**Thu từ dầu thô**			
III	**Thu cân đối từ hoạt động xuất nhập khẩu**			
1	Tổng số thu từ hoạt động xuất nhập khẩu			
	- Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu			
	- Thuế xuất khẩu			
	- Thuế nhập khẩu			
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu			
	- Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu			
	- Thu khác			
2	Hoàn thuế giá trị gia tăng			
IV	**Thu viện trợ**			

Ghi chú:

(1) Khi trình Quốc hội dự thảo Nghị quyết về dự toán NSNN chỉ bao gồm các chỉ tiêu của cột số 2; không bao gồm các cột số 1 & 3.

MẪU BIỂU SỐ 21

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO SẮC THUẾ NĂM…

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM …..							DỰ TOÁN NĂM…..							SO SÁNH DỰ TOÁN NĂM…./ƯỚC THỰC HIỆN NĂM... (%)						
		TỔNG SỐ	KHU VỰC DNNN (1)	KHU VỰC DN CÓ VỐN ĐTNN (2)	KHU VỰC KINH TẾ NGOÀI QUỐC DOANH	THU TỪ HOẠT ĐỘNG XỔ SỐ KIẾN THIẾT	THU TỪ DẦU THÔ	KHU VỰC KHÁC	TỔNG SỐ	KHU VỰC DNNN	KHU VỰC DN CÓ VỐN ĐTNN	KHU VỰC KINH TẾ NGOÀI QUỐC DOANH	THU TỪ HOẠT ĐỘNG XỔ SỐ KIẾN THIẾT	THU TỪ DẦU THÔ	KHU VỰC KHÁC	TỔNG SỐ	KHU VỰC DNNN	KHU VỰC DN CÓ VỐN ĐTNN	KHU VỰC KINH TẾ NGOÀI QUỐC DOANH	THU TỪ HOẠT ĐỘNG XỔ SỐ KIẾN THIẾT	THU TỪ DẦU THÔ	KHU VỰC KHÁC
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
	TỔNG THU NSNN																					
A	**Các khoản thu từ thuế, phí, lệ phí**																					
I	**Các khoản thu từ thuế**																					
1	Thuế giá trị gia tăng																					
	- Thuế GTGT thu từ hàng hóa sản xuất kinh doanh trong nước																					
	- Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu																					
2	Thuế tiêu thụ đặc biệt																					
	- Thuế TTĐB thu từ hàng hóa sản xuất trong nước																					
	- Thuế TTĐB thu từ hàng hóa nhập khẩu																					
	- Thuế TTĐB thu từ hàng hóa nhập khẩu do cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước																					
3	Thuế bảo vệ môi trường																					
	- Thuế BVMT thu từ hàng hóa sản xuất kinh doanh trong nước																					
	- Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu																					
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp																					
5	Thuế thu nhập cá nhân																					
6	Thuế tài nguyên																					
7	Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu																					
8	Thuế sử dụng đất nông nghiệp																					
9	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp																					
II	**Các khoản thu từ phí, lệ phí**																					
10	Lệ phí trước bạ																					
11	Các loại phí, lệ phí khác																					

STT	NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM							DỰ TOÁN NĂM.....							SO SÁNH DỰ TOÁN NĂM..../ƯỚC THỰC HIỆN NĂM... (%)						
		TỔNG SỐ	KHU VỰC DNNN (1)	KHU VỰC DN CÓ VỐN ĐTNN (2)	KHU VỰC KINH TẾ NGOÀI QUỐC DOANH	THU TỪ HOẠT ĐỘNG XỔ SỐ KIẾN THIẾT	THU TỪ DẦU THÔ	KHU VỰC KHÁC	TỔNG SỐ	KHU VỰC DNNN	KHU VỰC DN CÓ VỐN ĐTNN	KHU VỰC KINH TẾ NGOÀI QUỐC DOANH	THU TỪ HOẠT ĐỘNG XỔ SỐ KIẾN THIẾT	THU TỪ DẦU THÔ	KHU VỰC KHÁC	TỔNG SỐ	KHU VỰC DNNN	KHU VỰC DN CÓ VỐN ĐTNN	KHU VỰC KINH TẾ NGOÀI QUỐC DOANH	THU TỪ HOẠT ĐỘNG XỔ SỐ KIẾN THIẾT	THU TỪ DẦU THÔ	KHU VỰC KHÁC
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
B	**Các khoản thu ngoài thuế, phí, lệ phí**																					
1	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu, chi của Ngân hàng Nhà nước																					
	- Thu hồi vốn NSNN đầu tư tại các tổ chức kinh tế																					
	- Thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế																					
	- Chênh lệch thu, chi của Ngân hàng Nhà nước																					
2	Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước																					
3	Thu tiền sử dụng đất																					
4	Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước																					
5	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản																					
6	Thu khác																					
C	**Thu viện trợ**																					

Ghi chú: *(1) Các khoản thu từ doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;*

(2) Các khoản thu từ doanh nghiệp có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên hoặc có đa số thành viên hợp danh là cá nhân nước ngoài đối với tổ chức kinh tế là công ty hợp danh.

MẪU BIỂU SỐ 22

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO CƠ CẤU CHI NĂM…

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM …	DỰ TOÁN NĂM …	SO SÁNH DỰ TOÁN NĂM…/DỰ TOÁN NĂM … (%)
A	B	1	2	3=2/1
	TỔNG CHI NSNN			
I	**Chi đầu tư phát triển**			
1	Chi đầu tư phát triển theo ngành, lĩnh vực			
2	Chi chương trình mục tiêu quốc gia			
II	**Chi dự trữ quốc gia**			
III	**Chi trả nợ lãi**			
IV	**Chi viện trợ**			
V	**Chi thường xuyên**			
	Trong đó:			
	- Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
	- Chi khoa học và công nghệ			
VI	**Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính**			
VII	**Dự phòng NSNN**			
VIII	**Chi cải cách tiền lương, tinh giản biên chế**			
IX	**Các nhiệm vụ chi khác**			

MẪU BIỂU SỐ 23

DƯ NỢ CÔNG, NỢ NƯỚC NGOÀI CỦA QUỐC GIA NĂM …

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM…	DỰ TOÁN NĂM…
A	B	1	2
I	**Nợ công**		
	Dư nợ		
	Tỷ lệ so với GDP (%)		
	Trong đó:		
1	Nợ Chính phủ		
	Dư nợ		
	Tỷ lệ so với GDP (%)		
2	Nợ được Chính phủ bảo lãnh		
	Dư nợ		
	Tỷ lệ so với GDP (%)		
3	Nợ Chính quyền địa phương		
	Dư nợ		
	Tỷ lệ so với GDP (%)		
II	**Nợ nước ngoài của quốc gia**		
	Dư nợ		
	Tỷ lệ so với GDP (%)		
III	**Nghĩa vụ/Chi trả nợ trực tiếp của Chính phủ (1)**		
	Tỷ lệ so với thu NSNN (%)		
1	Trả nợ gốc		
	- Từ nguồn vốn vay		
	- Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư		
2	Trả nợ lãi (từ NSNN)		

Ghi chú:

(1) Đối với năm hiện hành là ước thực hiện số chi trả nợ; đối với năm dự toán là nghĩa vụ trả nợ.

MẪU BIỂU SỐ 24

ĐÁNH GIÁ CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG VÀ NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM……

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM…	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM…	SO SÁNH	
				TUYỆT ĐỐI	TƯƠNG ĐỐI (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
A	**NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG**				
I	**Thu NSTW hưởng theo phân cấp**				
1	Thu thuế, phí và các khoản thu khác				
2	Thu từ nguồn viện trợ				
II	**Tổng chi NSTW**				
1	Chi NSTW theo phân cấp (không kể bổ sung cho NSĐP)				
2	Chi bổ sung cho NSĐP				
	- Chi bổ sung cân đối				
	- Chi bổ sung có mục tiêu				
III	**Bội chi NSTW/Bội thu NSTW**				
B	**NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**				
I	**Tổng thu NSĐP**				
1	Thu NSĐP hưởng theo phân cấp				
2	Thu bổ sung từ NSTW				
	- Thu bổ sung cân đối				
	- Thu bổ sung có mục tiêu				
II	**Tổng chi NSĐP**				
1	Chi cân đối NSĐP theo phân cấp (không kể bổ sung có mục tiêu từ NSTW)				
2	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu của NSTW				
III	**Bội chi NSĐP/Bội thu NSĐP** (1)				
1	Bội chi của các địa phương có bội chi NSĐP				
2	Bội thu của các địa phương có bội thu NSĐP				

Ghi chú:

(1) Chênh lệch giữa bội chi của các địa phương có bội chi NSĐP và bội thu của các địa phương có bội thu NSĐP.

MẪU BIỂU SỐ 25

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC, CHI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG VÀ CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM…

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM…	CHIA RA		ƯỚC THỰC HIỆN NĂM...	CHIA RA		SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN/DỰ TOÁN NĂM… (%)		
			NSTW	NSĐP		NSTW	NSĐP	TỔNG SỐ	NSTW	NSĐP
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI NSNN									
I	**Chi đầu tư phát triển**									
1	Chi đầu tư phát triển theo ngành, lĩnh vực									
2	Chi chương trình mục tiêu quốc gia									
II	**Chi dự trữ quốc gia**									
III	**Chi trả nợ lãi**									
IV	**Chi viện trợ**									
V	**Chi thường xuyên**									
	Trong đó:									
	- Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề									
	- Chi khoa học và công nghệ									
VI	**Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính**									
VII	**Dự phòng NSNN**									
VIII	**Chi cải cách tiền lương, tinh giản biên chế**									
IX	**Các nhiệm vụ chi khác**									

MẪU BIỂU SỐ 26

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THEO LĨNH VỰC NĂM…

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM…	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM…	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3=2/1
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG			
A	**CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NSĐP**			
B	**CHI NSTW THEO LĨNH VỰC**			
I	**Chi đầu tư phát triển**			
1	Chi đầu tư phát triển theo ngành, lĩnh vực			
2	Chi chương trình mục tiêu quốc gia			
II	**Chi dự trữ quốc gia**			
III	**Chi trả nợ lãi**			
IV	**Chi viện trợ**			
V	**Chi thường xuyên**			
1	Chi quốc phòng			
2	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội			
3	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
4	Chi khoa học và công nghệ			
5	Chi y tế, dân số và gia đình			
6	Chi văn hóa thông tin			
7	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn			
8	Chi thể dục thể thao			
9	Chi bảo vệ môi trường			

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM…	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM…	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3=2/1
10	Chi các hoạt động kinh tế			
11	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể			
12	Chi bảo đảm xã hội			
13	Chi thường xuyên khác			
VI	**Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính**			
VII	**Dự phòng NSNN**			
VIII	**Chi cải cách tiền lương, tinh giản biên chế**			
IX	**Các nhiệm vụ chi khác**			

MẪU BIỂU SỐ 28

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CHO TỪNG BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM…

Đơn vị: Triệu đồng

SỐ TT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ	
			VỐN TRONG NƯỚC	VỐN NGOÀI NƯỚC
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG SỐ			
I	**Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương**			
1	Bộ, cơ quan Trung ương…			
2	Bộ, cơ quan Trung ương…			
…	…			
II	**Chi hỗ trợ các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, xã hội, xã hội - nghề nghiệp và các tổ chức khác do NSTW đảm bảo,...**			
III	**Chi hỗ trợ các Tập đoàn kinh tế, các Tổng công ty, các ngân hàng,… thực hiện các nhiệm vụ Nhà nước giao**			

MẪU BIỂU SỐ 34

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN THU DỊCH VỤ CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG NĂM… (KHÔNG BAO GỒM NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC)

Đơn vị: Tỷ đồng

SỐ TT	TÊN ĐƠN VỊ	KẾ HOẠCH NĂM…	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM...	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3=2/1
	TỔNG SỐ			
1	**Các đơn vị do Trung ương quản lý**			
	Trong đó:			
	- Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
	- Sự nghiệp y tế			
2	**Các đơn vị do địa phương quản lý**			
	Trong đó:			
	- Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
	- Sự nghiệp y tế			

MẪU BIỂU SỐ 35 (1)

CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG VÀ NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM……

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM... (hiện hành)	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM… (hiện hành)	DỰ TOÁN NĂM…	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3	4
A	**NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG**				
I	**Thu NSTW hưởng theo phân cấp**				
1	Thu thuế, phí và các khoản thu khác				
2	Thu từ nguồn viện trợ				
II	**Tổng chi NSTW**				
1	Chi NSTW theo phân cấp (không kể bổ sung cho NSĐP)				
2	Chi bổ sung cho NSĐP				
	- Chi bổ sung cân đối				
	- Chi bổ sung có mục tiêu				
III	**Bội chi NSTW/Bội thu NSTW**				
B	**NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**				
I	**Tổng thu NSĐP**				
1	Thu NSĐP hưởng theo phân cấp				
2	Thu bổ sung từ NSTW				
	- Thu bổ sung cân đối				

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM... (hiện hành)	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM… (hiện hành)	DỰ TOÁN NĂM…	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3	4
	- Thu bổ sung có mục tiêu				
II	**Tổng chi NSĐP**				
1	Chi cân đối NSĐP theo phân cấp (không kể bổ sung có mục tiêu từ NSTW)				
2	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu của NSTW				
III	**Bội chi NSĐP/Bội thu NSĐP** *(2)*				
1	Bội chi của các địa phương có bội chi NSĐP				
2	Bội thu của các địa phương có bội thu NSĐP				

Ghi chú:

(1) Khi trình Quốc hội dự thảo Nghị quyết về dự toán NSNN, mẫu biểu này chỉ giữ lại các cột A,B&3;

(2) Chênh lệch giữa số bội chi của các địa phương có bội chi NSĐP và số bội thu của các địa phương có bội thu NSĐP.

MẪU BIỂU SỐ 38

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC, CHI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG VÀ CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM…

Đơn vị: Tỷ đồng

SỐ TT	NỘI DUNG	NSNN	CHIA RA	
			NSTW	NSĐP
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI NSNN			
I	**Chi đầu tư phát triển**			
1	Chi đầu tư phát triển theo ngành, lĩnh vực			
2	Chi chương trình mục tiêu quốc gia			
II	**Chi dự trữ quốc gia**			
III	**Chi trả nợ lãi**			
IV	**Chi viện trợ**			
V	**Chi thường xuyên**			
	Trong đó:			
	- Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
	- Chi khoa học và công nghệ			
VI	**Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính**			
VII	**Dự phòng NSNN**			
VIII	**Chi cải cách tiền lương, tinh giản biên chế**			
IX	**Các nhiệm vụ chi khác**			

MẪU BIỂU SỐ 39

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THEO LĨNH VỰC NĂM…

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN
	TỔNG CHI NSTW	
A	**CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NSĐP**	
B	**CHI NSTW THEO LĨNH VỰC**	
I	**Chi đầu tư phát triển**	
1	Chi đầu tư phát triển theo ngành, lĩnh vực	
2	Chi chương trình mục tiêu quốc gia	
II	**Chi dự trữ quốc gia**	
III	**Chi trả nợ lãi**	
IV	**Chi viện trợ**	
V	**Chi thường xuyên**	
1	Chi quốc phòng	
2	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	
3	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	
4	Chi khoa học và công nghệ	
5	Chi y tế, dân số và gia đình	
6	Chi văn hóa thông tin	
7	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	
8	Chi thể dục thể thao	
9	Chi bảo vệ môi trường	
10	Chi các hoạt động kinh tế	
11	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	
12	Chi bảo đảm xã hội	
13	Chi thường xuyên khác	
VI	**Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính**	
VII	**Dự phòng ngân sách trung ương**	
VIII	**Chi cải cách tiền lương, tinh giản biên chế**	
IX	**Các nhiệm vụ chi khác**	

MẪU BIỂU SỐ 41

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CHO TỪNG BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG NĂM…

Đơn vị: Triệu đồng

SỐ TT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ	
			VỐN TRONG NƯỚC	VỐN NGOÀI NƯỚC
A	B	1	2	3
	TỔNG SỐ			
I	**Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương**			
1	Bộ, cơ quan Trung ương …			
2	Bộ, cơ quan Trung ương …			
3	Bộ, cơ quan Trung ương …			
4	…			
…	…			
…	…			
II	**Chi hỗ trợ các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, xã hội, xã hội - nghề nghiệp và các tổ chức khác do NSTW đảm bảo,...**			
III	**Chi hỗ trợ các Tập đoàn kinh tế, các Tổng công ty, các ngân hàng,… thực hiện các nhiệm vụ Nhà nước giao**			

MẪU BIỂU SỐ 50

DỰ TOÁN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CHO NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM…

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TỈNH, THÀNH PHỐ	TỔNG SỐ		
		TỔNG SỐ	VỐN TRONG NƯỚC	VỐN NGOÀI NƯỚC
A	B	1	2	3
	TỔNG SỐ			
I	**Vùng…**			
1	Địa phương…			
2	Địa phương…			
3	…			
…	…			
…	**Vùng…**			
…	Địa phương…			
…	…			
…	…			

MẪU BIỂU SỐ 55

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN QUAN TRỌNG QUỐC GIA
SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (DO QUỐC HỘI QUYẾT ĐỊNH) NĂM…

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	TÊN CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN	THỜI GIAN KHỞI CÔNG - HOÀN THÀNH	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ ĐƯỢC DUYỆT	GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN TỪ KHỞI CÔNG ĐẾN 31/12/…	LŨY KẾ KẾ HOẠCH ĐÃ BỐ TRÍ ĐẾN 31/12/…	KẾ HOẠCH VỐN NĂM…		
						TỔNG SỐ	VỐN TRONG NƯỚC	VỐN NGOÀI NƯỚC
A	B	1	2	3	4	5=6+7	6	7
1	Dự án…							
2	Dự án…							
	…							

MẪU BIỂU SỐ 56

KẾ HOẠCH THU DỊCH VỤ CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG NĂM…
(KHÔNG BAO GỒM NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC)

Đơn vị: Tỷ đồng

SỐ TT	TÊN ĐƠN VỊ	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM...	KẾ HOẠCH NĂM...	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3 = 2/1
	TỔNG SỐ			
1	**Các đơn vị do Trung ương quản lý**			
	Trong đó:			
	- Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
	- Sự nghiệp y tế			
2	**Các đơn vị do địa phương quản lý**			
	Trong đó:			
	- Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
	- Sự nghiệp y tế			

MẪU BIỂU SỐ 58

QUYẾT TOÁN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM…

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	QUYẾT TOÁN			SO SÁNH QUYẾT TOÁN/ DỰ TOÁN	
			NSNN	NSTW	NSĐP	TƯƠNG ĐỐI (%)	TUYỆT ĐỐI
A	B	1	2	3	4	5 = 2/1	6 = 2 - 1
A	**TỔNG NGUỒN THU NSNN**						
I	**Thu NSNN**						
1	Thu nội địa						
2	Thu từ dầu thô						
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu						
4	Thu viện trợ						
II	**Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang**						
III	**Thu từ quỹ dự trữ tài chính**						
IV	**Thu kết dư năm trước**						
V	**Thu bổ sung từ NSTW**						
VI	**Thu từ ngân sách cấp dưới nộp trả NSTW**						
B	**TỔNG CHI NSNN**						
I	**Chi NSNN**						
1	Chi đầu tư phát triển						
2	Chi dự trữ quốc gia						
3	Chi trả nợ lãi						
4	Chi viện trợ						
5	Chi thường xuyên *(1)*						
6	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính						
7	Dự phòng NSNN *(2)*						
8	Chi cải cách tiền lương, tinh giản biên chế *(2)*						

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	QUYẾT TOÁN			SO SÁNH QUYẾT TOÁN/ DỰ TOÁN	
			NSNN	NSTW	NSĐP	TƯƠNG ĐỐI (%)	TUYỆT ĐỐI
A	B	1	2	3	4	5 = 2/1	6 = 2 - 1
9	Các nhiệm vụ chi khác *(2)*						
II	**Chi chuyển nguồn sang năm sau**						
III	**Chi bổ sung từ NSTW cho NSĐP**						
IV	**Chi nộp trả NSTW**						
C	**BỘI CHI NSNN/BỘI THU NSNN** *(3)*						
	(Tỷ lệ bội chi so GDP)		*(4)*				
1	Bội chi NSTW/Bội thu NSTW						
2	Bội chi NSĐP/Bội thu NSĐP (5)						
D	**KẾT DƯ NSNN**						
1	Kết dư NSTW						
2	Kết dư NSĐP						
Đ	**CHI TRẢ NỢ GỐC**						
1	Chi trả nợ gốc NSTW						
	- Từ nguồn vay để trả nợ gốc						
	- Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư						
2	Chi trả nợ gốc NSĐP						
	- Từ nguồn vay để trả nợ gốc						
	- Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư						
E	**TỔNG SỐ VAY CỦA NSNN**						
1	Vay để bù đắp bội chi						
2	Vay để trả nợ gốc						

Ghi chú:

(1) Quyết toán bao gồm kinh phí cải cách tiền lương đã phân bổ vào các lĩnh vực;

(2) Quyết toán số sử dụng vào các lĩnh vực;

(3) Bội chi NSNN bao gồm bội chi NSTW và bội chi NSĐP (nếu có);

(4) Tỷ lệ so với GDP thực hiện;

(5) Chênh lệch giữa số bội chi của các địa phương có bội chi NSĐP và số bội thu của các địa phương có bội thu NSĐP.

MẪU BIỂU SỐ 59

QUYẾT TOÁN NGUỒN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM...

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM…	QUYẾT TOÁN NĂM…	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3 = 2/1
A	**THU NSNN**			
I	**Thu nội địa**			
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước			
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài			
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh			
4	Thuế thu nhập cá nhân			
5	Thuế bảo vệ môi trường			
6	Các loại phí, lệ phí			
	Trong đó: Lệ phí trước bạ			
7	Các khoản thu về nhà, đất			
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp			
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			
	- Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước			
	- Thu tiền sử dụng đất			
	- Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước			
8	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết			
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản			
10	Thu khác ngân sách			
11	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác			
12	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu, chi của Ngân hàng Nhà nước			
II	**Thu từ dầu thô**			
III	**Thu cân đối từ hoạt động xuất, nhập khẩu**			
1	Tổng số thu từ hoạt động xuất nhập khẩu			
	- Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu			
	- Thuế xuất khẩu			
	- Thuế nhập khẩu			
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu			
	- Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu			
	- Thu khác			
2	Hoàn thuế giá trị gia tăng			
IV	**Thu viện trợ**			
B	**THU CHUYỂN NGUỒN TỪ NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG**			
C	**THU TỪ QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH**			
D	**THU KẾT DƯ NĂM TRƯỚC**			
	TỔNG CỘNG (A+B+C+D)			

MẪU BIỂU SỐ 60

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO SẮC THUẾ NĂM…

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN							QUYẾT TOÁN							SO SÁNH (%)						
		TỔNG SỐ	KHU VỰC DNNN	KHU VỰC DN CÓ VỐN ĐTNN	KHU VỰC KINH TẾ NGOÀI QUỐC DOANH	THU TỪ HOẠT ĐỘNG XSKT	THU TỪ DẦU THÔ	KHU VỰC KHÁC	TỔNG SỐ	KHU VỰC DNNN	KHU VỰC DN CÓ VỐN ĐTNN	KHU VỰC KINH TẾ NGOÀI QUỐC DOANH	THU TỪ HOẠT ĐỘNG XSKT	THU TỪ DẦU THÔ	KHU VỰC KHÁC	TỔNG SỐ	KHU VỰC DNNN	KHU VỰC DN CÓ VỐN ĐTNN	KHU VỰC KINH TẾ NGOÀI QUỐC DOANH	THU TỪ HOẠT ĐỘNG XSKT	THU TỪ DẦU THÔ	KHU VỰC KHÁC
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15= 8/1	16= 9/2	17= 10/3	18= 11/4	19= 12/5	20= 13/6	21= 14/7
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC																					
A	**Các khoản thu từ thuế, phí, lệ phí**																					
I	**Các khoản thu từ thuế**																					
1	Thuế giá trị gia tăng																					
	- Thuế GTGT thu từ hàng hóa SXKD trong nước																					
	- Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu (1)																					
2	Thuế tiêu thụ đặc biệt																					
	- Thuế TTĐB thu từ hàng hóa sản xuất trong nước																					
	- Thuế TTĐB thu từ hàng hóa nhập khẩu																					
	- Thuế TTĐB thu từ hàng hóa nhập khẩu do cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước																					
3	Thuế bảo vệ môi trường																					
	- Thuế BVMT thu từ hàng hóa SXKD trong nước																					
	- Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu																					
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp																					
5	Thuế thu nhập cá nhân																					
6	Thuế tài nguyên																					

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN							QUYẾT TOÁN							SO SÁNH (%)						
		TỔNG SỐ	KHU VỰC DNNN	KHU VỰC DN CÓ VỐN ĐTNN	KHU VỰC KINH TẾ NGOÀI QUỐC DOANH	THU TỪ HOẠT ĐỘNG XSKT	THU TỪ DẦU THÔ	KHU VỰC KHÁC	TỔNG SỐ	KHU VỰC DNNN	KHU VỰC DN CÓ VỐN ĐTNN	KHU VỰC KINH TẾ NGOÀI QUỐC DOANH	THU TỪ HOẠT ĐỘNG XSKT	THU TỪ DẦU THÔ	KHU VỰC KHÁC	TỔNG SỐ	KHU VỰC DNNN	KHU VỰC DN CÓ VỐN ĐTNN	KHU VỰC KINH TẾ NGOÀI QUỐC DOANH	THU TỪ HOẠT ĐỘNG XSKT	THU TỪ DẦU THÔ	KHU VỰC KHÁC
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15= 8/1	16= 9/2	17= 10/3	18= 11/4	19= 12/5	20= 13/6	21= 14/7
7	Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu																					
8	Thuế sử dụng đất nông nghiệp																					
9	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp																					
II	**Các khoản thu từ phí, lệ phí**																					
10	Lệ phí trước bạ																					
11	Các loại phí, lệ phí khác																					
B	**Các khoản thu ngoài thuế, phí, lệ phí**																					
1	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu, chi của Ngân hàng Nhà nước																					
	- Thu hồi vốn NSNN đầu tư tại các tổ chức kinh tế																					
	- Thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế																					
	- Chênh lệch thu, chi của Ngân hàng Nhà nước																					
2	Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước																					
3	Thu tiền sử dụng đất																					
4	Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước																					
5	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản																					
6	Thu khác																					
C	**Thu viện trợ**																					

Ghi chú:

(1) Số thu sau khi trừ số hoàn thuế giá trị gia tăng.

MẪU BIỂU SỐ 61

QUYẾT TOÁN CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG VÀ NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM …

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	QUYẾT TOÁN	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3 = 2/1
A	**NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG**			
I	**Tổng nguồn thu NSTW**			
1	Thu NSTW hưởng theo phân cấp			
	- Thu thuế, phí và các khoản thu khác			
	- Thu từ nguồn viện trợ			
2	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang			
3	Thu từ quỹ dự trữ tài chính			
4	Thu kết dư NSTW năm trước			
5	Thu từ cấp dưới nộp trả NSTW			
II	**Tổng chi NSTW**			
1	Chi NSTW theo phân cấp (không kể bổ sung cho NSĐP)			
2	Chi bổ sung cho NSĐP			
	- Chi bổ sung cân đối			
	- Chi bổ sung có mục tiêu	*(1)*		
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau			
III	**Chi trả nợ gốc từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư NSTW**			
IV	**Bội chi NSTW/Bội thu NSTW**			
V	**Kết dư NSTW**			
B	**NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**			
I	**Tổng nguồn thu NSĐP**			
1	Thu NSĐP hưởng theo phân cấp			

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	QUYẾT TOÁN	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3 = 2/1
	- Thu thuế, phí và các khoản thu khác			
	- Thu từ nguồn viện trợ			
2	Thu bổ sung từ NSTW			
	- Thu bổ sung cân đối			
	- Thu bổ sung có mục tiêu	*(1)*		
3	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang			
4	Thu từ quỹ dự trữ tài chính			
5	Thu kết dư NSĐP năm trước			
II	**Tổng chi NSĐP**			
1	Chi cân đối NSĐP và chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu của NSTW			
2	Chi chuyển nguồn sang năm sau			
3	Chi nộp trả NSTW			
III	**Chi trả nợ gốc từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư NSĐP**			
IV	**Bội chi NSĐP/Bội thu NSĐP** *(2)*			
1	Bội chi của các địa phương có bội chi NSĐP			
2	Bội thu của các địa phương có bội thu NSĐP			
V	**Kết dư NSĐP**			

Ghi chú:

(1) Bao gồm số bổ sung có mục tiêu theo dự toán Quốc hội quyết định đầu năm và các khoản Quốc hội giao Chính phủ bổ sung trong quá trình điều hành;

(2) Chênh lệch giữa số bội chi của các địa phương có bội chi NSĐP và số bội thu của các địa phương có bội thu NSĐP.

MẪU BIỂU SỐ 62

QUYẾT TOÁN BỘI THU, VAY BÙ ĐẮP BỘI CHI VÀ VAY TRẢ NỢ GỐC CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM...

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TỈNH, THÀNH PHỐ	DỰ TOÁN				QUYẾT TOÁN				SO SÁNH (%)			
		BỘI THU NSĐP	SỐ VAY TRONG NĂM			BỘI THU NSĐP	SỐ VAY TRONG NĂM			BỘI THU NSĐP	SỐ VAY TRONG NĂM		
			TỔNG SỐ	BAO GỒM			TỔNG SỐ	BAO GỒM			TỔNG SỐ	BAO GỒM	
				VAY ĐỂ BÙ ĐẮP BỘI CHI	VAY TRẢ NỢ GỐC			VAY ĐỂ BÙ ĐẮP BỘI CHI	VAY TRẢ NỢ GỐC			VAY ĐỂ BÙ ĐẮP BỘI CHI	VAY TRẢ NỢ GỐC
A	B	1	2=3+4	3	4	5	6=7+8	7	8	9=5/1	10=6/2	11=7/3	12=8/4
	TỔNG SỐ												
I	**Vùng…**												
1	Địa phương…												
2	Địa phương…												
3	…												
…	…												
…	**Vùng…**												
…	Địa phương…												
…	…												

MẪU BIỂU SỐ 63

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THEO LĨNH VỰC NĂM …

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	QUYẾT TOÁN	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3 = 2/1
	TỔNG CHI NSTW			
A	**CHI BỔ SUNG CHO NSĐP**			
I	**Chi bổ sung cân đối**			
II	**Chi bổ sung có mục tiêu**	*(1)*		
B	**CHI NSTW THEO LĨNH VỰC** *(2)*			
I	**Chi đầu tư phát triển**			
1	**Chi đầu tư phát triển theo ngành, lĩnh vực**			
1.1	Chi quốc phòng			
1.2	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội			
1.3	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
1.4	Chi khoa học và công nghệ			
1.5	Chi y tế, dân số và gia đình			
1.6	Chi văn hóa thông tin			
1.7	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn			
1.8	Chi thể dục thể thao			
1.9	Chi bảo vệ môi trường			
1.10	Chi các hoạt động kinh tế			
1.11	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể			
1.12	Chi bảo đảm xã hội			
1.13	Chi đầu tư phát triển khác			
2	**Chi chương trình mục tiêu quốc gia**			
II	**Chi dự trữ quốc gia**			
III	**Chi trả nợ lãi**			

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	QUYẾT TOÁN	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3 = 2/1
IV	**Chi viện trợ**			
V	**Chi thường xuyên**		*(3)*	
1	Chi quốc phòng			
2	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội			
3	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
4	Chi khoa học và công nghệ			
5	Chi y tế, dân số và gia đình			
6	Chi văn hóa thông tin			
7	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn			
8	Chi thể dục thể thao			
9	Chi bảo vệ môi trường			
10	Chi các hoạt động kinh tế			
11	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể			
12	Chi bảo đảm xã hội			
13	Chi thường xuyên khác			
VI	**Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính**			
VII	**Dự phòng NSTW**		*(4)*	
VIII	**Chi cải cách tiền lương, tinh giản biên chế**		*(4)*	
IX	**Các nhiệm vụ chi khác**		*(4)*	
C	**CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU**			

Ghi chú:

(1) Bao gồm số bổ sung có mục tiêu theo dự toán Quốc hội quyết định đầu năm và các khoản Quốc hội giao Chính phủ bổ sung trong quá trình điều hành;

(2) Không bao gồm số phân bổ sử dụng để bổ sung có mục tiêu cho NSĐP;

(3) Bao gồm kinh phí cải cách tiền lương đã phân bổ vào các lĩnh vực;

(4) Số quyết toán để trống do được phân bổ sử dụng vào từng lĩnh vực chi tương ứng, hoặc đưa vào chỉ tiêu chuyển nguồn sang năm sau theo quy định.

MẪU BIỂU SỐ 64

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC, CHI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG VÀ CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM …

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			SO SÁNH QUYẾT TOÁN / DỰ TOÁN (%)		
		NSNN	NSTW[1]	NSĐP[2]	NSNN	NSTW	NSĐP	NSNN	NSTW	NSĐP
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI NSNN									
I	**Chi NSNN**									
1	Chi đầu tư phát triển									
	Trong đó:									
	- Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề									
	- Chi khoa học và công nghệ									
2	Chi dự trữ quốc gia									
3	Chi trả nợ lãi									
4	Chi viện trợ									
5	Chi thường xuyên *(3)*									
	Trong đó:									
	- Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề									
	- Chi khoa học và công nghệ									
6	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính									
7	Dự phòng ngân sách *(4)*									
8	Chi cải cách tiền lương, tinh giản biên chế *(4)*									
9	Các nhiệm vụ chi khác *(4)*									
II	**Chi chuyển nguồn sang năm sau**									

***Ghi chú**:*

(1) Không bao gồm bổ sung cho NSĐP;

(2) Bao gồm cả bổ sung từ NSTW;

(3) Quyết toán bao gồm kinh phí cải cách tiền lương đã phân bổ vào các lĩnh vực;

(4) Số quyết toán để trống do được phân bổ sử dụng vào số quyết toán chi của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương, hoặc đưa vào chỉ tiêu chuyển nguồn sang năm sau theo quy định..

MẪU BIỂU SỐ 65

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CHO TỪNG BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG THEO TỪNG LĨNH VỰC VÀ CÁC NHIỆM VỤ CHI KHÁC CỦA NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM…

Đơn vị: Triệu đồng

SỐ TT	TÊN ĐƠN VỊ	DỰ TOÁN	QUYẾT TOÁN TỔNG SỐ CHI (KỂ CẢ CHI BẰNG NGUỒN VAY NỢ, VIỆN TRỢ)	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KỂ CHƯƠNG TRÌNH MTQG)	CHI THƯỜNG XUYÊN (KHÔNG KỂ CHƯƠNG TRÌNH MTQG)	CHI DỰ TRỮ QUỐC GIA	CHI TRẢ NỢ LÃI	CHI VIỆN TRỢ	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG			SO SÁNH QUYẾT TOÁN/ DỰ TOÁN (%)
									TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYÊN	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11=2/1
	TỔNG SỐ											
I	**Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương**											
1	Bộ, cơ quan Trung ương …											
2	Bộ, cơ quan Trung ương …											
3	Bộ, cơ quan Trung ương …											
4	…											
5	…											
…	…											
…	…											
II	**Chi hỗ trợ các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, xã hội, xã hội - nghề nghiệp và các tổ chức khác do NSTW đảm bảo,…**											
III	**Chi hỗ trợ các Tập đoàn kinh tế, các Tổng công ty, các ngân hàng,… thực hiện các nhiệm vụ Nhà nước giao**											
IV	**Chi bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSĐP**											
V	**Chi trả nợ lãi**											
VI	**Dự phòng NSTW**		*(1)*									
VII	**Chi cải cách tiền lương, tinh giản biên chế**		*(1)*									
VIII	**Các nhiệm vụ chi khác**		*(1)*									

Ghi chú:

(1) Số quyết toán để trống do được phân bổ sử dụng vào số quyết toán chi của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương, hoặc đưa vào chỉ tiêu chuyển nguồn sang năm sau theo quy định;

(2) Để phản ánh đúng kết quả thực hiện chi ngân sách của các bộ, cơ quan trung ương; tỷ lệ so sánh quyết toán với dự toán được xác định trên cơ sở dự toán được điều chỉnh, bao gồm dự toán được giao đầu năm cùng với dự toán được bổ sung trong quá trình thực hiện theo quy định của cấp có thẩm quyền từ các nguồn cải các tiền lương, tinh giản biên chế, dự phòng NSTW và các nhiệm vụ chi khác (nếu có).

MẪU BIỂU SỐ 66

QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CHO TỪNG BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM …

Đơn vị: Triệu đồng

SỐ TT	TÊN ĐƠN VỊ	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			GỒM:															SO SÁNH QUYẾT TOÁN/ DỰ TOÁN (%)
		TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ		TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ		1. CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC														2. CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA	
			VỐN TRONG NƯỚC	VỐN NGOÀI NƯỚC		VỐN TRONG NƯỚC	VỐN NGOÀI NƯỚC	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ														
									CHI QUỐC PHÒNG	CHI AN NINH VÀ TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI	CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẤN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN KHÁC		
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=8+9+…+20	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22=4/1
	TỔNG SỐ																						
I	**Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương**																						
1	Bộ, cơ quan Trung ương …																						
2	Bộ, cơ quan Trung ương …																						
…	…																						
II	**Chi hỗ trợ các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, xã hội, xã hội - nghề nghiệp và các tổ chức khác do NSTW đảm bảo,...**																						
III	**Chi hỗ trợ các Tập đoàn kinh tế, các Tổng công ty, các ngân hàng,… thực hiện các nhiệm vụ Nhà nước giao**																						

MẪU BIỂU SỐ 67

QUYẾT TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CHO TỪNG BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM…

Đơn vị: Triệu đồng

SỐ TT	TÊN ĐƠN VỊ	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			GỒM												SO SÁNH QUYẾT TOÁN/ DỰ TOÁN (%)
		TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ		TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ		CHI QUỐC PHÒNG	CHI AN NINH VÀ TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI	CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẤN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI	
			VỐN TRONG NƯỚC	VỐN NGOÀI NƯỚC		VỐN TRONG NƯỚC	VỐN NGOÀI NƯỚC													
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19=4/1
	TỔNG SỐ																			
I	**Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương**																			
1	Bộ, cơ quan Trung ương …																			
2	Bộ, cơ quan Trung ương …																			
3	Bộ, cơ quan Trung ương …																			
…	…																			
II	**Chi hỗ trợ các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, xã hội, xã hội - nghề nghiệp và các tổ chức khác do NSTW đảm bảo,...**																			
III	**Chi hỗ trợ các Tập đoàn kinh tế, các Tổng công ty, các ngân hàng,… thực hiện các nhiệm vụ Nhà nước giao**																			

MẪU BIỂU SỐ 68

TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA CÁC BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG NĂM…...

Đơn vị : Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	KINH PHÍ ĐƯỢC SỬ DỤNG TRONG NĂM	BAO GỒM				KINH PHÍ QUYẾT TOÁN TRONG NĂM	NGUỒN CÒN LẠI	TRONG ĐÓ	
			DỰ TOÁN ĐẦU NĂM	NGUỒN NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG (nếu có)	BỔ SUNG TRONG NĂM (nếu có)	GIẢM TRỪ TRONG NĂM (nếu có)			CHUYỂN NGUỒN NĂM SAU	DỰ TOÁN HỦY BỎ
A	B	1=2+3+4-5	2	3	4	5	6	7=1-6	8	9
	TỔNG SỐ									
I	**Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương**									
1	Bộ, cơ quan Trung ương …									
2	Bộ, cơ quan Trung ương …									
…	……									
II	**Chi hỗ trợ các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, xã hội, xã hội - nghề nghiệp và các tổ chức khác do NSTW đảm bảo,...**									
III	**Chi hỗ trợ các Tập đoàn kinh tế, các Tổng công ty, các ngân hàng,… thực hiện các nhiệm vụ Nhà nước giao**									

MẪU BIỂU SỐ 69

QUYẾT TOÁN CHI BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CHO NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG ĐỐI VỚI TỪNG TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG NĂM….

Đơn vị: triệu đồng

STT	TỈNH, THÀNH PHỐ	DỰ TOÁN ĐƯỢC GIAO (1)					QUYẾT TOÁN					SO SÁNH QT/DT (%)	
		TỔNG SỐ	GỒM:				TỔNG SỐ	GỒM:				TỔNG SỐ	KHÔNG KỂ BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ VỐN NGOÀI NƯỚC
			BỔ SUNG CÂN ĐỐI	BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU				BỔ SUNG CÂN ĐỐI	BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU				
				TỔNG SỐ	GỒM:				TỔNG SỐ	GỒM:			
					VỐN NGOÀI NƯỚC	VỐN TRONG NƯỚC				VỐN NGOÀI NƯỚC	VỐN TRONG NƯỚC		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11=6/1	10=(6-9)/(1-4)
	TỔNG SỐ												
I	**Vùng…**												
1	Địa phương…												
2	Địa phương…												
3	…												
…	…												
…	**Vùng …**												
…	…												

Ghi chú:

(1) Bao gồm dự toán đầu năm và dự toán bổ sung trong năm

MẪU BIỂU SỐ 71

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG TỪNG TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG NĂM …

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TỈNH, THÀNH PHỐ	DỰ TOÁN	TỔNG CHI NSĐP	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN			CHI THƯỜNG XUYÊN			CHI TRẢ NỢ LÃI	CHI BỔ SUNG QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	CHI NỘP TRẢ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	SO SÁNH QUYẾT TOÁN/DỰ TOÁN (%)
				TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ		TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ						
					CHI GD-ĐT	CHI KH-CN		CHI GD-ĐT	CHI KH-CN					
A	B	1	2=3+6+9+10+11	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13=2/1
	TỔNG SỐ *(1)*													
I	**Vùng…**													
1	Địa phương…													
2	Địa phương…													
3	Địa phương…													
4	…													
…	…													
…	**Vùng…**													
…	Địa phương…													
…	…													

(1) Số quyết toán bao gồm số chi bổ sung có mục tiêu và dự phòng ngân sách được phân bổ sử dụng vào số quyết toán chi của từng địa phương.

(2) Để phản ánh đúng kết quả thực hiện chi ngân sách của các địa phương; tỷ lệ so sánh quyết toán với dự toán được xác định trên cơ sở dự toán được điều chỉnh, bao gồm dự toán được giao đầu năm cùng với dự toán được bổ sung trong quá trình thực hiện theo quy định của cấp có thẩm quyền từ các nguồn cải các tiền lương, tinh giản biên chế, dự phòng NSTW và các nhiệm vụ chi khác (nếu có).

MẪU BIỂU SỐ 73

THỰC HIỆN VỐN ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN QUAN TRỌNG QUỐC GIA SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (DO QUỐC HỘI QUYẾT ĐỊNH) NĂM…

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	TÊN CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN	THỜI GIAN KHỞI CÔNG - HOÀN THÀNH	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ ĐƯỢC DUYỆT	GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN TỪ KHỞI CÔNG ĐẾN 31/12/…	LŨY KẾ KẾ HOẠCH ĐÃ BỐ TRÍ ĐẾN 31/12/…	KẾ HOẠCH VỐN NĂM…	VỐN ĐÃ THANH TOÁN THEO KẾ HOẠCH NĂM…			SO SÁNH THỰC HIỆN/KẾ HOẠCH (%)
							TỔNG SỐ	VỐN TRONG NƯỚC	VỐN NGOÀI NƯỚC	
A	B	1	2	3	4	5	6=7+8	7	8	9=6/5
1	Dự án …									
2	Dự án …									
	…									

MẪU BIỂU SỐ 74

QUYẾT TOÁN CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA CỦA TỪNG BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ TỪNG TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG NĂM…

Đơn vị: Triệu đồng

STT	CÁC BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG; CÁC ĐỊA PHƯƠNG	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			GỒM															SO SÁNH QUYẾT TOÁN/ DỰ TOÁN (%)
		TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ		TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ		1. CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA …							…. CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA …								
								TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ						TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ							
									ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN			THƯỜNG XUYÊN				ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN			THƯỜNG XUYÊN				
			ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN		ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN		TỔNG	TRONG NƯỚC	NGOÀI NƯỚC	TỔNG	TRONG NƯỚC	NGOÀI NƯỚC		TỔNG	TRONG NƯỚC	NGOÀI NƯỚC	TỔNG	TRONG NƯỚC	NGOÀI NƯỚC	
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5=8+15 +…	6=11+18+ …	7=8+11	8=9+10	9	10	11=12+13	12	13	14=15+18	15=16+17	16	17	18=19+20	19	20	21=4/1
-	**TỔNG SỐ**																					
I	**Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương**																					
1	Bộ, cơ quan Trung ương …																					
2	Bộ, cơ quan Trung ương …																					
	…																					
II	**Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương**																					
1	Địa phương …																					
2	Địa phương …																					
	…																					

MẪU BIỂU SỐ 75

TỔNG HỢP THU DỊCH VỤ CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG NĂM…
(KHÔNG BAO GỒM NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC)

Đơn vị: Tỷ đồng

SỐ TT	TÊN ĐƠN VỊ	KẾ HOẠCH NĂM...	THỰC HIỆN NĂM…	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3=2/1
	TỔNG SỐ			
1	**Các đơn vị do Trung ương quản lý**			
	Trong đó:			
	- Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
	- Sự nghiệp y tế			
2	**Các đơn vị do địa phương quản lý**			
	Trong đó:			
	- Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
	- Sự nghiệp y tế			

MẪU BIỂU SỐ 76

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO NỘI DUNG KINH TẾ NĂM…

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	NSNN
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	
	Trong đó:	
I	**Chi đầu tư phát triển**	
II	**Chi trả nợ lãi**	
III	**Chi viện trợ**	
IV	**Chi thường xuyên**	
	Trong đó:	
1.1	Lương và phụ cấp	
1.2	Các khoản đóng góp theo lương (Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn,…)	

(Xem tiếp Công báo số 767 + 768)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng